

Bản án số: 169/2018/HS-PT

Ngày 10/9/2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH THANH HOÁ

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Lê Thanh Hùng

Các Thẩm phán:

Bà Hoàng Lan Phương

Ông Dương Xuân Tuấn

- Thư ký phiên toà: Bà Ninh Thị Khánh Tân - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Thanh Hoá

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thanh Hoá tham gia phiên toà:

Bà Lê Thị Lan - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 9 năm 2018, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Thanh Hoá xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 145/2018/TLPT-HS ngày 10/8/2018 đối với bị cáo Nguyễn Khắc T do có kháng cáo của bị cáo đối với bản án hình sự sơ thẩm số 30/2018/HS-ST ngày 29 tháng 6 năm 2018 của Toà án nhân dân huyện T, tỉnh T.

- Bị cáo có kháng cáo:

Nguyễn Khắc T, sinh năm 1986 tại T, tỉnh T.

Nơi cư trú: khu 1, thị trấn S, huyện T, tỉnh T; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính Nam; tôn giáo: không; quốc tịch Việt Nam; con ông Nguyễn Khắc D và bà Lương Thị T; có vợ Lê Thị Mỹ L, có 01 con sinh năm 2016; tiền án, tiền sự: không; bị tạm giữ từ ngày 09/01/2018 đến ngày 15/01/2018; tại ngoại. có mặt.

- Các bị cáo không có kháng cáo:

1. Ngô Văn K, sinh năm 1983 tại T, tỉnh T.

Nơi cư trú: thôn Đ, xã X, huyện T, tỉnh T; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hoá: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính Nam; tôn giáo: không; quốc tịch Việt Nam; con ông Ngô H và Ngô Thị L; có vợ Lê Thị N, có 02 con, lớn sinh năm 2009, nhỏ sinh năm 2010; tiền án, tiền sự: không; bị tạm giữ từ ngày 09/01/2018 đến ngày 15/01/2018; tại ngoại. có mặt.

2. Trần Hợp Q, sinh năm 1975, tại huyện T, tỉnh T.

Nơi cư trú: thôn H, xã X, huyện T, tỉnh T; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hoá: 5/12; dân tộc: Kinh; giới tính Nam; tôn giáo: không; quốc tịch Việt Nam; con ông Trần Hợp N và bà Nguyễn Thị H; có vợ Hoàng Thị V, có 02 con, lớn sinh năm 2000, nhỏ sinh năm 2007; tiền án, tiền sự: không; tại ngoại. có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ và diễn biến tại phiên toà, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 16 giờ 30 phút ngày 09/01/2018, Phạm Văn S ở thôn L, xã X và Nguyễn Văn B ở thôn H 2, xã T, đến nhà Phạm Văn V ở thôn Đ, xã X, huyện T, tỉnh T ghi mua số lô, số đề. V trực tiếp ghi bán số lô số đề cho S, B và viết cho mỗi người một phiếu thể hiện các số lô, số đề đã mua của V, trong đó số tiền V bán lô đề cho B là 3.210.000đ; cho S là 1.940.000đ. Khi S và B rời khỏi nhà V thì bị Công an huyện T kiểm tra phát hiện và thu giữ 02 phiếu ghi số lô số đề mà V đã viết cho S và B.

Cơ quan điều tra tiến hành khám xét khẩn cấp nơi ở của Phạm Văn V. Tại thời điểm khám xét có cả Ngô Văn K ở thôn Đ, xã X là con rể của V đang có mặt tại nhà V để tổng hợp bảng lô đề của hai bố con trong ngày rồi chuyển bảng cho Nguyễn Khắc T ở khu 1 thị trấn S. Quá trình khám xét Cơ quan điều tra đã thu giữ: 01 điện thoại Samsung galaxy J7 gắn 2 thẻ sim 0979.857.475; 0912.931.377; 01 điện thoại OPPO F5, màu đen, không gắn thẻ sim; 01 điện thoại Nokia 225, màu đen gắn 2 thẻ sim: 01679.645.116; 0964.547.386; 01 bìa giấy màu vàng trên có dòng chữ Fresh case custard cháy cạnh, trên có ghi số lô số đề; Thu trên người Phạm Văn V một ví da màu đen, bên trong có số tiền 2.080.000đ; Thu tại bàn trong bếp nhà V số tiền 410.000đ; Thu của K 01 ví da màu đen bên trong có số tiền 14.200.000đ. Tiến hành khám xét khẩn cấp nơi ở của Ngô Văn K thu giữ: 01 quyển sổ bìa cứng màu xanh hiệu Hải Tiến bên trong ghi tên người và số tiền nợ; 01 quyển sổ hiệu Hải Tiến bìa màu trắng, hồng có dòng chữ “sổ nhật ký”, bên trong có ghi số lô, số đề; Số tiền 2.050.000đ. Tiến hành khám xét đối với Nguyễn Khắc T thu giữ: 01 điện thoại Iphone 7 plus màu hồng, có gắn thẻ sim 0969.063.238; 01 điện thoại Iphone 6 plus màu vàng màn hình cảm ứng đã bị vỡ, có gắn thẻ sim 0972.818.115; 12 tờ giấy vở kẻ ngang có ghi các số lô, số đề. Hồi 21 giờ ngày 09/01/2018, Trần Hợp Q ở thôn H, xã X đến Công an xã X đầu thú về hành vi mua số lô, số đề với K và giao nộp: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Lanrover bàn phím, vỏ màu xanh, có gắn thẻ sim 01263.101.329.

Qua kết quả điều tra, lời khai của các đối tượng, đối chiếu với biên bản kiểm tra điện thoại của Phạm Văn V, Ngô Văn K, Nguyễn Khắc T và Trần Hợp Q có thể hiện tin nhắn mua số lô, số đề với nhau và qua giấy tờ T ghi chép lại các số lô, số đề K đã chuyển bảng cho T đã xác định hành vi đánh bạc của các bị can, cụ thể như sau:

Đối với Phạm Văn V: Ngày 09/01/2018, đã trực tiếp bán số lô, số đề cho Phạm Văn S và Nguyễn Văn B với tổng số tiền 5.150.000đ. Như vậy số tiền đánh bạc trong ngày 09/01/2018 của V được xác định là 5.150.000đ

Ngoài ra V còn sử dụng thuê bao di động 01679.645.116 để nhận tin nhắn mua số lô, số đề từ số thuê bao di động 0966.317.628 của Nguyễn Hữu O ở thôn ĐT, xã X, cụ thể: Ngày 06/01/2018 V ghi bán số lô, số đề cho O với số tiền 4.600.000đ; Ngày 07/01/2018: 2.300.000đ; Ngày 08/01/2018: 3.450.000đ. Tuy nhiên trong ba ngày trên đối chiếu với kết quả sổ số kiến thiết Miền Bắc, O không trúng số nào.

Đối với Ngô Văn K: Ngày 09/01/2018 đã sử dụng các số thuê bao di động 0912.931.377 và 0979.857.475 để nhận tin nhắn mua số lô, số đề từ các người chơi gồm:

Trần Hợp Q nhận tin từ số thuê bao di động 01263.101.329 đến số 0979.857.475 của K để mua số lô, số đề với tổng số tiền 5.445.000đ. Như vậy số tiền đánh bạc của Q được xác định là 5.445.000đ.

Ngô Văn T ở thôn ĐC, xã X nhận tin từ số thuê bao di động 0977.769.243 đến số 0979.857.475 của K để mua số lô với tổng số tiền 230.000đ.

Hà Văn H ở thôn L, xã X nhận tin từ số di động 01627.836.275 đến số 0912.931.377 của K để mua số lô, số đề với tổng số tiền 60.000đ.

K nhận chuyển các số lô, số đề từ Phạm Thị N là vợ K đã ghi bán cho khách khi K không có nhà với tổng số tiền 980.000đ.

Như vậy tổng số tiền K ghi bán số lô, số đề trong ngày 09/01/2018 đã chứng minh được là 6.715.000đ. Khoảng 15 giờ 45 phút, K đến nhà V để tổng hợp các số lô, số đề V đã bán được trong ngày; sau đó K dùng số điện thoại di động 0979.857.475 gọi đến số 0972.818.115 của Nguyễn Khắc T để chuyển toàn bộ bảng lô đề của V và K cho T với tổng số tiền 9.366.000đ. Tổng số tiền đánh bạc của K trong ngày 09/01/2018 được xác định là 16.081.000đ.

Ngày 08/01/2018, cũng thông qua hình thức nhắn tin bằng điện thoại di động, K đã ghi bán số lô, đề cho Q với số tiền 1.100.000đ; Số tiền Q trúng: 700.000đ; Tổng số tiền đánh bạc là 1.800.000đ. Ngày 04/01/2018, K bán số lô cho Nguyễn Hữu O với số tiền 1.150.000đ; trong ngày các số lô O mua không trúng.

Đối với Nguyễn Khắc T: Trong ngày 09/01/2018, T nhận bảng lô đề do K chuyển đến với tổng số tiền 9.366.000đ bằng hình thức T gọi điện thoại di động cho K để K đọc các số lô, số đề.

Cũng thông qua hình thức gọi điện thoại di động, T ghi bán các số lô, đề cho Lê Văn Đ ở thôn ĐC, xã X với số tiền 1.491.000đ; Số tiền Đ trúng: 2.000.000đ; Tổng số tiền đánh bạc giữa T và Đ: 3.591.000đ.

Tiến hành kiểm tra điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6 Plus màu vàng, gắn thẻ sim 0972818115 của T phát hiện có các tin nhắn mua số lô, số đề từ các số điện thoại: 0961.708.628; 0945.697.879; 0946.255.996; 0941.131.288; Sau

khi kết thúc mỗi giao dịch, T đều nhắn tin “OK” xác nhận đồng ý việc mua bán, chuyển bảng số lô, số đề với chủ các số điện thoại này. T khai nhận, số điện thoại 0961.708.628 là của Vũ Thị H ở khu 4 thị trấn S nhắn tin chuyển bảng lô đề cho T với số tiền 11.838.000đ; Số tiền trúng: 3.900.000đ. Số điện thoại 0945.697.879 là của Ngô Văn M trú tại thôn 13, xã T, huyện T; T nhắn tin chuyển số đề cho M với số tiền 2.415.000đ. Số điện thoại 0946.255.996 là của một người thanh niên tên D ở huyện T nhắn tin mua số lô, đề với số tiền 1.630.000đ; Số tiền trúng: 1.600.000đ. Số điện thoại 0941.131.288 của người T không biết tên đã nhắn tin mua các số lô, đề với số tiền 320.000đ; Số tiền trúng: 800.000đ.

Như vậy tổng số tiền đánh bạc của T trong ngày 09/01/2018 xác định là 35.460.000đ.

Chủ các số điện thoại 0945.697.879; 0946.255.996; 0941.131.288 có số tiền đánh bạc với T không đủ căn cứ xử lý hình sự. Cơ quan điều tra tiến hành làm việc với Vũ Thị H và Ngô Văn M cả hai đều khai không sử dụng số điện thoại và có liên quan đến việc mua bán lô đề với T, như T khai báo. Tiến hành khám xét nơi ở của Vũ Thị H nhưng không thu giữ được gì. Cơ quan điều tra đã ban hành công văn gửi đến Tổng công ty dịch vụ viễn thông VNPT – Vinaphone và Tập đoàn Công nghiệp viễn thông Quân đội Viettel đề nghị được cung cấp thông tin về các số thuê bao di động 0961.708.628; 0945.697.879; 0946.255.996; 0941.131.288 nhưng không có văn bản trả lời. Do đó chưa đủ căn cứ xử lý đối với các đối tượng này; Cơ quan điều tra tiếp tục điều tra làm rõ.

Hành vi của Phạm Văn S; Nguyễn Văn B; Nguyễn Hữu O; Lê Văn Đ; Ngô Văn T; Hà Văn H; Phạm Thị N số tiền đánh bạc chưa đủ định lượng xử lý hình sự; Công an huyện T đã ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính.

Tại bản án sơ thẩm số 30/2018/HSST ngày 29/6/2018 của Tòa án nhân dân huyện T đã Quyết định:

Tuyên bố: Các bị cáo Nguyễn Khắc T, Ngô Văn K, Trần Hợp Q và Phạm Văn V phạm tội: Đánh bạc.

Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 321; Điều 58; điểm s, điểm t khoản 1 Điều 51; Điều 38; Điều 17 BLHS.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Khắc T 39 (ba mươi chín) tháng tù, được trừ 07 (Bảy) ngày đã tạm giữ tạm giam, còn lại 38 (ba mươi tám) tháng 23 (hai mươi ba) ngày tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt giam thi hành án.

Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 321; Điều 65; Điều 58; điểm s, điểm t khoản 1 Điều 51; Điều 17 BLHS.

Xử phạt: Ngô Văn K 36 tháng tù cho hưởng án treo thời gian thử thách 05 năm tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Trần Hợp Q 36 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 05 năm tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Phạt tiền Nguyễn Khắc T, Ngô Văn K mỗi bị cáo 12.000.000đ. Trần Hợp Q 10.000.000đ.

Án sơ thẩm còn tuyên hình phạt Phạm Văn V 12 tháng cải tạo không giam giữ, phạt bổ sung 10.000.000đ, xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo.

Ngày 05/7/2018 Nguyễn Khắc T kháng cáo với nội dung: Đề nghị Toà án cấp phúc thẩm cho bị cáo hưởng án treo.

Tại phiên toà phúc thẩm:

- Bị cáo Nguyễn Khắc T giữ nguyên nội dung kháng cáo.
- Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thanh Hóa: Nguyễn Khắc T và các đồng phạm sử dụng mạng viễn thông nhắn tin qua điện thoại để ghi lô đề như là phương tiện để liên lạc với nhau chứ không phải hình thành nên các trò chơi được thua bằng tiền hoặc hiện vật trực tuyến nên không thuộc trường hợp “sử dụng mạng viễn thông để phạm tội” theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 321 Bộ luật Hình sự. Do đó hành vi đánh bạc của Nguyễn Khắc T với tổng số tiền 35.460.000đ, Ngô Văn K 16.081.000đ; Trần Hợp Q 5.445.000đ chỉ bị xét xử theo khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự. Ngoài các tình tiết giảm nhẹ mà Toà án cấp sơ thẩm đã áp dụng các bị cáo T, K, Q còn được áp dụng tình tiết giảm nhẹ phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Bị cáo T địa phương đề nghị cho hưởng án treo, đã nộp tiền là hình phạt bổ sung, bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ, có nơi cư trú rõ ràng nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo xin hưởng án treo của bị cáo, đối với Ngô Văn K và Trần Hợp Q cho hưởng án treo nhưng giảm mức hình phạt. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355; điểm b, c, d khoản 1, khoản 3 Điều 357 Bộ luật Hình sự. Sửa án sơ thẩm (áp dụng khoản 1 Điều 321 BLHS đối với các bị cáo T, K, Q). Xử phạt Nguyễn Khắc T 24-30 tháng tù cho hưởng án treo; Ngô Văn K 15-18 tháng tù cho hưởng án treo; Trần Hợp Q 12-15 tháng tù cho hưởng án treo, đồng thời ấn định thời gian thử thách theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được công bố tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Trong ngày 09/01/2018 Nguyễn Khắc T, Ngô Văn K, Trần Hợp Q, Phạm Văn V đã có hành vi đánh bạc dưới hình thức đánh lô, đề. Nguyễn Khắc T đánh bạc với số tiền 35.460.000đ; Ngô Văn K đánh bạc với số tiền 16.081.000đ; Trần Hợp Q đánh bạc với số tiền 5.445.000đ; Phạm Văn V đánh bạc với số tiền 5.150.000đ. Do có hành vi đánh bạc dưới hình thức lô, đề như trên nên Toà án cấp sơ thẩm xét xử các bị cáo về tội “*Đánh bạc*” là đúng.

[2] Việc Toà án cấp sơ thẩm xét xử Nguyễn Khắc T, Ngô Văn K và Trần Hợp Q theo khoản 2 Điều 321 Bộ luật Hình sự: Do Nguyễn Khắc T, Ngô Văn K

và Trần Hợp Q dùng điện thoại di động để ghi số lô số đề (đánh bạc) nên Toà án cấp sơ thẩm cho rằng các bị cáo đã sử dụng mạng viễn thông theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 321 Bộ luật hình sự. Tuy nhiên, các bị cáo sử dụng mạng viễn thông để dùng điện thoại nhắn tin để ghi lô đề như là phương tiện liên lạc với nhau, chứ không phải hình thành nên các trò chơi được thua bằng tiền hoặc hiện vật trực tuyến. Do đó, hành vi dùng điện thoại nhắn tin giữa các bị cáo để ghi lô, đề không thuộc trường hợp “sử dụng mạng internet, mạng máy tính, mạng viễn thông và các phương tiện điện tử để phạm tội” theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 321 Bộ luật Hình sự. Hành vi của các bị cáo chỉ bị xét xử theo khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự.

[3] Về kháng cáo xin hưởng án treo của Nguyễn Khắc T: Nguyễn Khắc T có các tình tiết: thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, chính quyền địa phương đề nghị Toà án cấp phúc thẩm cho Nguyễn Khắc T được hưởng án treo, và sau khi xét xử sơ thẩm bị cáo đã tự nguyện thi hành hình phạt bổ sung số tiền 12.000.000đ - là các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s, i khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Nguyễn Khắc T có nhiều tình tiết giảm nhẹ, có nhân thân tốt và có nơi cư trú rõ ràng, nên không cần thiết phải cách ly bị cáo khỏi xã hội mà giao bị cáo cho chính quyền địa phương giám sát, giáo dục là phù hợp quy định tại Điều 65 Bộ luật Hình sự, như đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thanh Hoá tại phiên toà phúc thẩm là có căn cứ.

[4] Đối với các bị cáo Ngô Văn K, Trần Hợp Q Toà án cấp sơ thẩm cho hưởng án treo là có căn cứ. Tuy nhiên, như đã phân tích trên, các bị cáo chỉ bị xét xử theo khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự, và có thêm tình tiết giảm nhẹ mới “*phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng*”, nên giảm hình phạt cho các bị cáo, để tương ứng với mức hình phạt theo quy định, cũng như tính chất của vụ án, vai trò của từng bị cáo trong vụ án.

[5] Về hình phạt bổ sung giữ nguyên mức phạt tiền là hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

[6] Về án phí: Bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355; điểm c, e khoản 1, khoản 3 Điều 357 Bộ luật Tố tụng Hình sự.

Chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Khắc T, giảm hình phạt và cho bị cáo hưởng án treo. Giảm hình phạt chính đối với Ngô Văn K và Trần Hợp Q. Sửa bản án sơ thẩm số 30/2018/HS-ST ngày 29/6/2018 của Toà án nhân dân huyện T, tỉnh Thanh Hoá (về hình phạt chính đối với Nguyễn Khắc T, Ngô Văn K và Trần Hợp Q).

*** Áp dụng:** Khoản 1 Điều 321; điểm i, s, (điểm t đối với Ngô Văn K) khoản 1, (khoản 2 đối với Nguyễn Khắc T, Trần Hợp Q) Điều 51; Điều 17, Điều 58; Điều 65 Bộ luật Hình sự. Điểm h khoản 2 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14.

*** Xử phạt:**

- Nguyễn Khắc T 24 tháng tù nhưng cho hưởng án treo về tội “Đánh bạc”, thời gian thử thách 48 tháng tính từ ngày tuyên án phúc thẩm.

- Ngô Văn K 18 tháng tù nhưng cho hưởng án treo về tội “Đánh bạc”, thời gian thử thách 36 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

- Trần Hợp Q 15 tháng tù nhưng cho hưởng án treo về tội “Đánh bạc”, thời gian thử thách 30 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Phạt tiền Nguyễn Khắc T 12.000.000đ để sung quỹ nhà nước (Nguyễn Khắc T đã nộp 12.000.000đ theo biên lai thu tiền số AA/2010/8967 ngày 27/8/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T).

Giao Nguyễn Khắc T cho Ủy ban nhân dân thị trấn S, huyện T, tỉnh T giám sát giáo dục trong thời gian thử thách.

Giao Ngô Văn K và Trần Hợp Q cho Ủy ban nhân dân xã X, huyện T, tỉnh T giám sát giáo dục trong thời gian thử thách.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 69 Luật Thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

*** Án phí phúc thẩm:** Nguyễn Khắc T không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND Cấp Cao tại HN;
- VKSND tỉnh Thanh Hóa;
- TAND huyện T;
- VKSND huyện T;
- Chi cục THADS huyện T;
- Công an huyện T;
- Bị cáo;
- Lưu HSVA.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thanh Hùng